



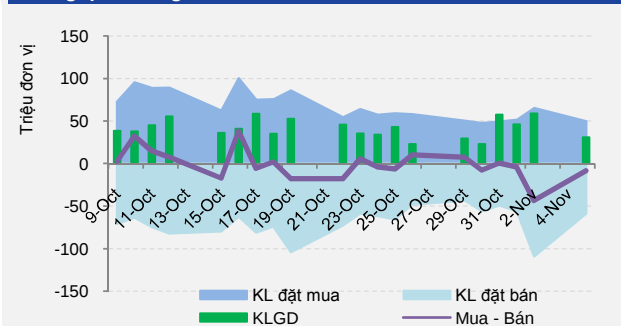
BAN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 5/11/2012

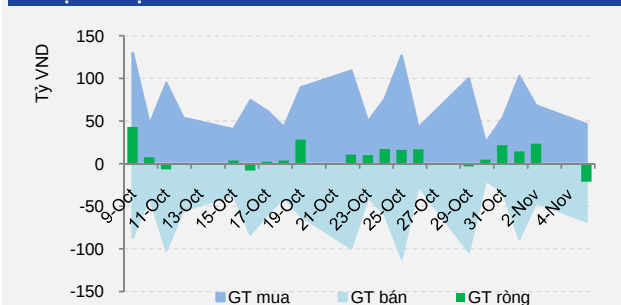
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	377.3	50.8
% Thay đổi	↑ 0.5%	↓ -0.6%
KLGD (CP)	30,985,660	21,804,355
GTGD (tỷ đồng)	371.46	121.17
Tổng cung (CP)	58,501,640	44,265,300
Tổng cầu (CP)	49,952,380	35,830,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,987,770	118,139
KL mua (CP)	1,672,730	332,100
GTmua (tỷ đồng)	46.30	3.80
GT bán (tỷ đồng)	67.66	1.71
GT ròng (tỷ đồng)	(21.36)	2.09

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.62%	8.0	1.3	2.5%
Công nghiệp	↓ -0.85%	9.9	0.7	10.8%
Dầu khí	↑ 1.20%	4.5	1.0	1.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.19%	9.1	1.1	0.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.32%	6.5	2.0	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 2.68%	12.8	3.9	18.7%
Ngân hàng	↓ -0.79%	4.4	1.2	17.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.38%	5.7	2.0	20.4%
Tài chính	↓ -0.77%	25.3	3.0	24.2%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.73%	11.8	2.5	3.3%
VN - Index	↑ 0.54%	10.0	2.5	75.8%
HNX - Index	↓ -0.61%	8.1	1.4	24.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	523,360	1.7%	162,690	0.5%
GTGD (triệu VND)	12,238	3.3%	1,344	0.4%

CÔ PHIẾU BLUECHIPS TĂNG GIÁ NHẸ - THỊ TRƯỜNG TĂNG GIẢM TRÁI CHIỀU TRÊN HAI SÀN

Diễn biến thị trường:

- Thị trường tăng giảm trái chiều trên hai sàn. VN-Index tăng nhẹ nhờ nhóm cổ phiếu vốn hóa, cổ phiếu bluechips; HNX-Index giảm điểm nhẹ.

- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu bluechips có yếu tố cơ bản tốt. Còn lại đa số cổ phiếu giảm giá nhẹ/không có giao dịch.

- NĐTNN bán ròng trên sàn HOSE, mua ròng sàn HNX. Khối lượng mua vào cổ phiếu sản xuất (DPM, DRC, HSG, KDC), bán ra cổ phiếu tài chính ngân hàng (STB, EIB, BVH).

Nhận định:

Mức độ giảm toàn thị trường đã chứng lại sau phiên phản ứng mạnh với thông tin ông Đặng Văn Thành - cựu Chủ tịch HĐQT bị cơ quan điều tra triệu tập Thứ Sáu tuần trước. Diễn biến ổn định của thị trường tiền tệ là nguyên nhân giúp nhà đầu tư bình tĩnh hơn trong quyết định giao dịch.

Dòng tiền có xu hướng tập trung vào nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản. Mức tăng điểm của VN-Index được hỗ trợ phần lớn bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (MSN, VNM). Còn lại lượng cổ phiếu giảm điểm/giữ giá tham chiếu vẫn chiếm đa số.

Cập nhật thông tin vĩ mô, theo Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI, dự báo năm 2012 có khoảng 50.000 doanh nghiệp giải thể, đóng cửa. Trong hai năm 2011-2012, đã có 100.000 doanh nghiệp dừng hoạt động, bằng một nửa số doanh nghiệp dừng hoạt động trong suốt 20 năm qua, kể từ khi có Luật Doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động hiện tại (chiếm 70% tổng số doanh nghiệp) cũng trong tình trạng rất khó khăn. Theo dữ liệu thống kê của Stoxplus, tỷ suất cổ tức của doanh nghiệp trên hai sàn đạt 4.8%, thấp hơn khá nhiều mức lãi suất huy động 9% của kỳ hạn trên 1 tháng hiện nay. so với lãi suất gửi tiết kiệm. Ngoài ngành công nghiệp và dịch vụ tiêu dùng có tỷ suất cổ tức đạt 10.7% và 8.9%, còn lại tất cả các ngành đều có mức tỷ suất cổ tức thấp.

Về yếu tố kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã tăng điểm trở lại sau phiên giảm mạnh qua mốc hỗ trợ 378 điểm, cũng như giảm qua đường biên dưới của dải Bollinger Bands; mức độ giảm của HNX-Index chậm lại khi tiến gần ngưỡng hỗ trợ 50 điểm.

Thị trường có thể tăng nhẹ đầu phiên giao dịch ngày mai, khi HNX-Index giảm qua đường biên dưới của dải Bollinger. Tuy nhiên, khả năng sau đó thị trường tiếp tục giảm điểm, khi thực tế giao dịch toàn thị trường vẫn cho tín hiệu động lực thị trường yếu.



VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index hồi lại nhẹ trong phiên giao dịch ngày hôm nay tuy nhiên khối lượng giao dịch thấp cho thấy lực cầu không thuyết phục.
- Có thể chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục phục hồi nhẹ (nhưng xác suất chỉ số VN-Index tiếp tục phục hồi là không lớn) nhưng sau đó chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục giảm điểm.
- Mức hỗ trợ cho chỉ số VN-Index là khu vực 350 điểm.



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Phục hồi kỹ thuật	Tăng	Tăng
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
378	360	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
400		



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Giảm	Giảm	Giảm
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
53.8	52	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
56	59	

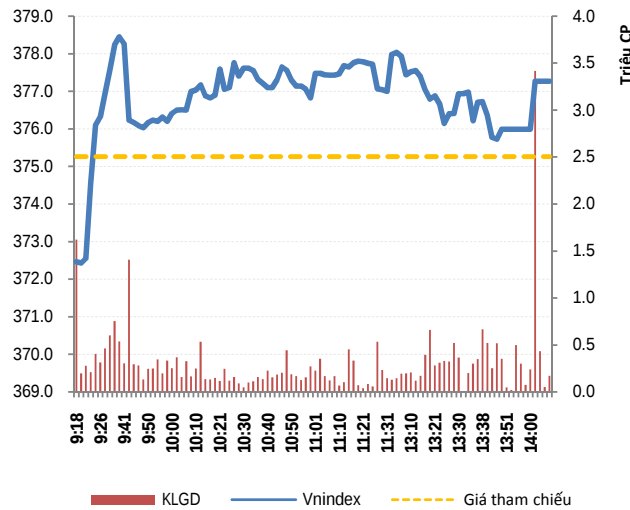
HNX-INDEX

- Sau phiên giảm mạnh trước đó, chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng giao dịch thấp.
- Chỉ số HNX-Index có thể sẽ có hồi lại nhẹ (nhưng xác suất có thể phục hồi là không lớn) nhưng sau đó sẽ tiếp tục giảm điểm.
- Mức hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là khu vực 45-46 điểm.

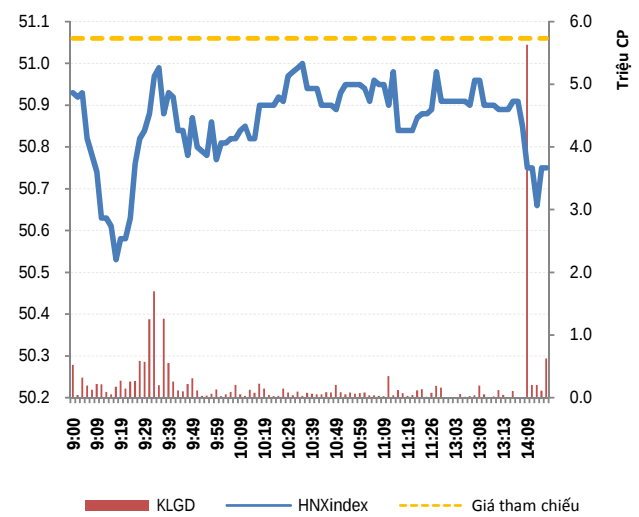


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

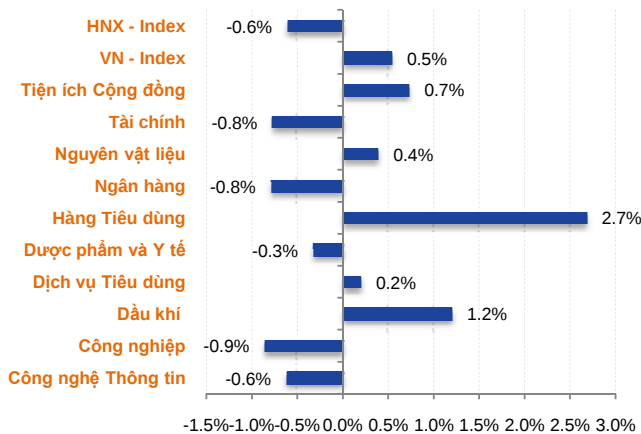
KLGD và VN-Index trong phiên



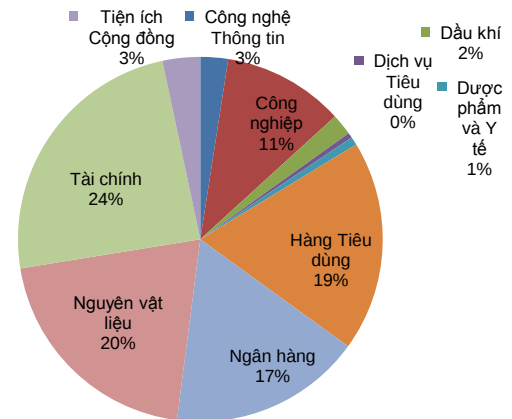
KLGD và HNX-Index trong phiên



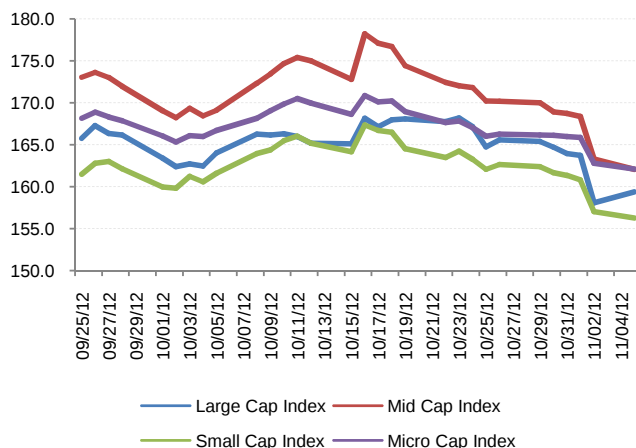
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



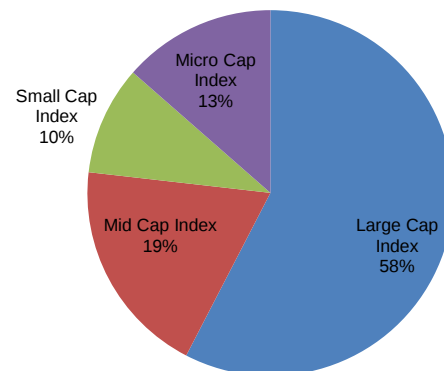
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DPM	196,200	STB	960,880
2	DRC	179,800	KDC	331,110
3	CTG	93,150	SAM	190,000
4	VSH	87,480	KTB	119,450
5	HSG	80,000	EIB	115,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	115,000	PGS	99,800
2	VNR	67,900	PVA	11,200
3	LAS	48,800	SCR	5,000
4	HUT	25,000	HEV	100
5	TXM	12,100	PHS	100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	3.9	3.8	↓ -2.56%	2,255,170
DLG	3.5	3.4	↓ -2.86%	1,794,970
STB	18.7	18.7	→ 0.00%	1,682,050
MBB	13.0	12.9	↓ -0.77%	1,486,880
SAM	6.1	6.0	↓ -1.64%	1,293,070

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	5.1	4.8	↓ -5.88%	4,571,970
SHB	4.9	4.9	→ 0.00%	3,022,369
KLS	7.2	7.1	↓ -1.39%	1,450,900
PVX	4.0	4.0	→ 0.00%	1,391,316
SHS	3.9	3.7	↓ -5.13%	1,135,800

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VFC	8.0	8.4	0.4	↑ 5.00%
IFS	14.3	15.0	0.7	↑ 4.90%
VFG	39.0	40.9	1.9	↑ 4.87%
VPK	21.8	22.8	1.0	↑ 4.59%
SFI	15.4	16.1	0.7	↑ 4.55%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HCC	11.5	12.3	0.8	↑ 6.96%
TNG	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
CAP	25.1	26.8	1.7	↑ 6.77%
TLT	1.5	1.6	0.1	↑ 6.67%
DPC	12.6	13.4	0.8	↑ 6.35%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
VES	1.2	1.1	-0.1	↓ -8.33%
AVF	6.0	5.7	-0.3	↓ -5.00%
D2D	16.0	15.2	-0.8	↓ -5.00%
HAX	4.0	3.8	-0.2	↓ -5.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
SDJ	1.4	1.3	-0.1	↓ -7.14%
CMI	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
API	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
PHS	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	2,255,170	1.2%	161	23.6	0.3
DLG	1,794,970	2.8%	389	8.7	0.3
STB	1,682,050	14.2%	2,441	7.7	1.3
MBB	1,486,880	22.7%	3,347	3.9	1.0
SAM	1,293,070	2.7%	473	12.7	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	4,571,970	4.0%	649	7.4	0.2
SHB	3,022,369	15.3%	1,625	3.0	0.4
KLS	1,450,900	0.1%	17	408.6	0.6
PVX	1,391,316	-8.3%	(981)	-	0.4
SHS	1,135,800	-3.7%	(276)	-	0.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VFC	↑ 5.0%	3.4%	521	16.1	0.6
IFS	↑ 4.9%	-60.1%	(1,479)	(10.1)	6.8
VFG	↑ 4.9%	22.2%	11,274	3.6	1.0
VPK	↑ 4.6%	39.1%	5,526	4.1	1.4
SFI	↑ 4.5%	16.9%	4,285	3.8	0.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HCC	↑ 7.0%	25.5%	3,502	3.5	0.9
TNG	↑ 6.9%	10.6%	1,642	3.8	0.4
CAP	↑ 6.8%	41.8%	9,116	2.9	1.2
TLT	↑ 6.7%	-161.7%	(2,459)	(0.7)	21.5
DPC	↑ 6.3%	12.8%	2,179	6.1	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	196,200	38.3%	8,850	4.0	1.5
DRC	179,800	28.5%	3,999	6.2	1.6
CTG	93,150	19.2%	2,196	7.8	1.5
VSH	87,480	11.2%	1,372	7.9	0.9
HSG	80,000	17.0%	3,306	5.2	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	115,000	15.3%	1,625	3.0	0.4
VNR	67,900	13.2%	4,541	3.1	0.6
LAS	48,800	37.2%	5,845	4.7	1.6
HUT	25,000	12.3%	1,812	3.9	0.5
TXM	12,100	4.6%	695	4.5	0.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	73,716	26.0%	4,692	8.3	2.9
VNM	70,016	38.6%	9,380	13.4	5.0
MSN	63,230	13.4%	3,619	25.4	4.1
VIC	54,636	22.0%	2,769	28.2	5.6
VCB	49,593	11.6%	1,885	11.4	1.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	13,690	18.5%	2,603	5.6	1.1
SQC	8,756	12.0%	1,388	57.3	6.5
SHB	4,342	15.3%	1,625	3.0	0.4
PVS	4,288	24.9%	4,752	3.0	0.8
PVI	3,465	8.2%	2,097	7.3	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VSG	3.00	-300.9%	(4,555)	-	(14.8)
LCM	2.78	33.3%	4,830	3.2	2.2
IDI	2.64	2.4%	346	19.1	0.5
DXG	2.59	3.9%	525	15.6	0.6
KSH	2.45	-8.6%	(917)	-	0.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	2.72	3.6%	790	7.5	0.4
HDO	2.70	4.0%	463	12.1	0.5
PSG	2.56	-25.0%	(2,067)	-	0.2
PVV	2.49	-11.9%	(1,275)	-	0.3
SDH	2.31	-10.5%	(1,107)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)